PHẦN VĂN BẢN KHÁC

BỘ NGOẠI GIAO

BỘ NGOẠI GIAO	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 22/2015/TB-LPQT	*Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2015*

THÔNG BÁO
Về việc điều ước quốc tế có hiệu lực

Thực hiện quy định của Luật Ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế năm 2005, Bộ Ngoại giao trân trọng thông báo:

Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Ca-dắc-xtan về tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với các loại thuế đánh vào thu nhập, ký tại Hà Nội ngày 31 tháng 10 năm 2011, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 6 năm 2015.

Bộ Ngoại giao trân trọng gửi bản sao Hiệp định theo quy định tại Điều 68 của Luật nêu trên./.

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG
VỤ LUẬT PHÁP VÀ ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ
PHÓ VỤ TRƯỞNG

Lê Đức Hạnh

HIỆP ĐỊNH

GIỮA

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

VÀ

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA CA-DẮC-XTAN

VỀ

TRÁNH ĐÁNH THUẾ HAI LẦN

VÀ

NGĂN NGỪA VIỆC TRỐN LẬU THUẾ

ĐỐI VỚI CÁC LOẠI THUẾ

ĐÁNH VÀO THU NHẬP

Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Ca-dắc-xtan khẳng định mong muốn của hai Nước nhằm phát triển và củng cố hợp tác kinh tế, khoa học, kỹ thuật và văn hóa giữa hai Nước, và mong muốn ký kết một Hiệp định về việc tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với các loại thuế đánh vào thu nhập,

đã thỏa thuận dưới đây:

Điều 1

ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Hiệp định này áp dụng đối với các đối tượng là những đối tượng cư trú của một hoặc của cả hai Nước ký kết.

Điều 2

CÁC LOẠI THUẾ BAO GỒM TRONG HIỆP ĐỊNH

1. Hiệp định này áp dụng đối với các loại thuế do một Nước ký kết hoặc chính quyền địa phương của Nước đó đánh vào thu nhập, bất kể hình thức áp dụng của các loại thuế đó như thế nào.

2. Tất cả các loại thuế thu trên tổng thu nhập hoặc những phần của thu nhập, bao gồm các loại thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng động sản hoặc bất động sản, các loại thuế đánh trên tổng số tiền lương hoặc tiền công do doanh nghiệp chi trả, cũng như các loại thuế đánh vào giá trị tài sản tăng thêm đều được coi là thuế đánh vào thu nhập.

3. Các loại thuế hiện hành được áp dụng trong Hiệp định này cụ thể là:

   a) tại Ca-dắc-xtan:

      (i) thuế thu nhập doanh nghiệp; và

      (ii) thuế thu nhập cá nhân;

(sau đây gọi là thuế Ca-dắc-xtan).

b) tại Việt Nam:

(i) thuế thu nhập cá nhân; và

(ii) thuế thu nhập doanh nghiệp;

(sau đây gọi là thuế Việt Nam).

4. Hiệp định này cũng sẽ được áp dụng đối với bất kỳ các loại thuế nào có tính chất tương tự hoặc về cơ bản giống như các loại thuế trên được ban hành sau ngày ký Hiệp định này để bổ sung, hoặc thay thế các loại thuế hiện hành. Các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ thông báo cho nhau những thay đổi quan trọng trong các luật thuế của từng Nước.

Điều 3

CÁC ĐỊNH NGHĨA CHUNG

1. Theo nội dung của Hiệp định này, trừ trường hợp ngữ cảnh đòi hỏi có sự giải thích khác:

a) thuật ngữ "Ca-dắc-xtan" có nghĩa là nước Cộng hòa Ca-dắc-xtan. Khi dùng theo nghĩa địa lý, thuật ngữ "Ca-dắc-xtan" bao gồm lãnh thổ quốc gia của nước Cộng hòa Ca-dắc-xtan và những vùng mà tại đó Ca-dắc-xtan thực hiện quyền chủ quyền và quyền tài phán phù hợp với pháp luật và luật pháp quốc tế;

b) thuật ngữ "Việt Nam" có nghĩa là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, khi dùng theo nghĩa địa lý, thuật ngữ này có nghĩa là lãnh thổ đất liền, các hải đảo, nội thuỷ, lãnh hải và vùng trời phía trên đó, vùng biển ngoài lãnh hải, bao gồm cả đáy biển và lòng đất dưới đáy biển mà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán phù hợp với pháp luật quốc gia và luật pháp quốc tế;

c) thuật ngữ "đối tượng" bao gồm cá nhân, công ty và bất kỳ tổ chức của nhiều đối tượng nào khác;

d) thuật ngữ "công ty" để chỉ bất kỳ tổ chức công ty hoặc bất kỳ một thực thể nào được coi là tổ chức công ty dưới giác độ thuế;

e) thuật ngữ "Nước ký kết" và "Nước ký kết kia" có nghĩa là Ca-dắc-xtan hoặc Việt Nam, tùy ngữ cảnh đòi hỏi;

f) thuật ngữ "doanh nghiệp của một Nước ký kết" và "doanh nghiệp của Nước ký kết kia" theo thứ tự có nghĩa là một doanh nghiệp được điều hành bởi một đối tượng cư trú của một Nước ký kết và một doanh nghiệp được điều hành bởi một đối tượng cư trú của Nước ký kết kia;

g) thuật ngữ "vận tải quốc tế" có nghĩa là bất kỳ sự vận chuyển nào bằng tàu thủy hoặc máy bay do doanh nghiệp của một Nước ký kết điều hành, trừ trường hợp khi chiếc tàu thủy hoặc máy bay đó chỉ hoạt động giữa những địa điểm trong Nước ký kết kia;

h) thuật ngữ "nhà chức trách có thẩm quyền" có nghĩa là:

(i) trong trường hợp của Ca-dắc-xtan: Bộ Tài chính hoặc người đại diện được ủy quyền của Bộ Tài chính;

(ii) trong trường hợp của Việt Nam: Bộ trưởng Bộ Tài chính hoặc người đại diện được ủy quyền của Bộ trưởng;

k) thuật ngữ "đối tượng mang quốc tịch" có nghĩa là:

(i) bất kỳ cá nhân nào mang quốc tịch của một Nước ký kết;

(ii) bất kỳ pháp nhân, công ty hợp danh hoặc hiệp hội nào có tư cách theo các luật có hiệu lực tại một Nước ký kết.

2. Trong khi một Nước ký kết áp dụng Hiệp định này vào bất kỳ thời điểm nào, bất kỳ thuật ngữ nào chưa được định nghĩa trong Hiệp định này sẽ có nghĩa theo như định nghĩa trong luật của Nước ký kết đó đối với các loại thuế mà Hiệp định này áp dụng vào thời điểm đó, trừ trường hợp ngữ cảnh đòi hỏi có sự giải thích khác.

Điều 4

ĐỐI TƯỢNG CƯ TRÚ

1. Theo nội dung của Hiệp định này, thuật ngữ "đối tượng cư trú của một Nước ký kết" có nghĩa là bất kỳ đối tượng nào, mà theo các luật của Nước ký kết đó là đối tượng chịu thuế căn cứ vào nhà ở, nơi cư trú, trụ sở điều hành, trụ sở thành lập, trụ sở đăng ký hoặc bất kỳ tiêu thức nào khác có tính chất tương tự. Thuật ngữ này cũng bao gồm cả Nước ký kết đó, hoặc chính quyền địa phương của Nước đó.

2. Trường hợp theo các quy định của khoản 1 khi một cá nhân là đối tượng cư trú của cả hai Nước ký kết, thì thân phận cư trú của cá nhân đó sẽ được xác định như sau:

   a) cá nhân đó sẽ được coi là đối tượng cư trú của Nước ký kết mà tại đó cá nhân đó có nhà ở thường trú; nếu cá nhân đó có nhà ở thường trú ở cả hai Nước ký kết, cá nhân đó sẽ được coi là đối tượng cư trú của Nước ký kết mà cá nhân đó có các quan hệ cá nhân và kinh tế chặt chẽ hơn (trung tâm của các quyền lợi chủ yếu);

   b) nếu không thể xác định được Nước ký kết mà ở đó cá nhân đó có trung tâm của các quyền lợi chủ yếu, hoặc nếu cá nhân đó không có nhà ở thường trú ở cả hai Nước ký kết, thì cá nhân đó sẽ được coi là đối tượng cư trú của Nước ký kết mà cá nhân đó thường sống;

   c) nếu cá nhân đó thường xuyên sống ở cả hai Nước ký kết hoặc không thường xuyên sống ở Nước nào, cá nhân đó sẽ được coi là đối tượng cư trú của Nước ký kết mà cá nhân đó mang quốc tịch;

   d) nếu không thể xác định được thân phận cư trú của một đối tượng cư trú theo các điểm a) – c) trên đây của khoản này, các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ giải quyết vấn đề này bằng thỏa thuận song phương.

3. Trường hợp theo các quy định của khoản 1, khi một đối tượng không phải là cá nhân, là đối tượng cư trú của cả hai Nước ký kết, khi đó đối tượng này sẽ được coi là đối tượng cư trú của Nước ký kết nơi có trụ sở điều hành thực tế của đối tượng đó.

Điều 5

CƠ SỞ THƯỜNG TRÚ

1. Theo nội dung của Hiệp định này, thuật ngữ "cơ sở thường trú" có nghĩa là một cơ sở kinh doanh cố định mà qua đó doanh nghiệp thực hiện toàn bộ hoặc một phần hoạt động kinh doanh của mình.

2. Thuật ngữ "cơ sở thường trú" chủ yếu bao gồm:

   a) trụ sở điều hành;

   b) chi nhánh;

   c) văn phòng;

   d) nhà máy;

   e) xưởng;

   f) mỏ, giếng dầu hoặc khí, mỏ đá hoặc bất kỳ địa điểm khai thác tài nguyên thiên nhiên nào khác;

   g) kho hàng hoặc cơ sở được sử dụng như một điểm bán hàng; và

   h) công trình lắp đặt hoặc kết cấu được sử dụng để thăm dò tài nguyên thiên nhiên, hoặc dịch vụ giám sát liên quan, hoặc một giàn khoan hoặc tàu thủy được sử dụng để thăm dò tài nguyên thiên nhiên.

3. Thuật ngữ "cơ sở thường trú" cũng bao gồm:

   a) một địa điểm xây dựng, dự án xây dựng, lắp ráp hoặc lắp đặt hoặc các hoạt động giám sát liên quan, nhưng chỉ khi địa điểm, dự án hoặc các hoạt động này kéo dài trong một giai đoạn hơn sáu tháng;

   b) việc cung cấp các dịch vụ, bao gồm cả dịch vụ tư vấn do một doanh nghiệp thực hiện thông qua những người làm công hoặc những đối tượng khác được doanh nghiệp giao thực hiện các hoạt động trên, nhưng chỉ khi các hoạt động mang tính chất nêu trên kéo dài (trong cùng một dự án hoặc một dự án có liên quan) tại một Nước trong một giai đoạn hoặc nhiều giai đoạn gộp lại hơn 6 tháng trong bất kỳ giai đoạn 12 tháng.

4. Mặc dù có các quy định trên của Điều này, thuật ngữ "cơ sở thường trú" sẽ được coi là không bao gồm:

a) việc sử dụng các phương tiện chỉ với mục đích lưu kho, trưng bày hoặc giao hàng hóa của doanh nghiệp;

b) việc duy trì kho hàng hóa của doanh nghiệp chỉ với mục đích lưu kho, trưng bày hoặc giao hàng;

c) việc duy trì kho hàng hóa của doanh nghiệp chỉ với mục đích để cho doanh nghiệp khác gia công;

d) việc duy trì một địa điểm kinh doanh cố định chỉ với mục đích mua hàng hóa hoặc để thu thập thông tin cho doanh nghiệp; và

e) việc duy trì một địa điểm kinh doanh cố định chỉ với mục đích tiến hành bất kỳ hoạt động nào khác mang tính chất chuẩn bị hoặc phụ trợ cho doanh nghiệp.

5. Mặc dù có các quy định của khoản 1 và 2, trường hợp một đối tượng - trừ đại lý có tư cách độc lập được điều chỉnh tại khoản 7 - hoạt động tại một Nước ký kết thay mặt cho một doanh nghiệp của Nước ký kết kia, doanh nghiệp đó sẽ được coi là có cơ sở thường trú tại Nước ký kết thứ nhất đối với các hoạt động mà đối tượng trên thực hiện cho doanh nghiệp, nếu đối tượng đó:

a) có và thường xuyên thực hiện tại Nước ký kết đó thẩm quyền ký kết các hợp đồng đứng tên doanh nghiệp, trừ khi các hoạt động của đối tượng đó chỉ giới hạn trong phạm vi các hoạt động nêu tại khoản 4 mà những hoạt động đó nếu được thực hiện thông qua một địa điểm kinh doanh cố định thì sẽ không làm cho địa điểm kinh doanh cố định đó trở thành một cơ sở thường trú theo những quy định tại khoản đó; hoặc

b) không có thẩm quyền nêu trên, nhưng thường xuyên duy trì tại Nước ký kết thứ nhất một kho hàng hoá, qua đó đối tượng này thường xuyên thực hiện giao hàng hoá thay mặt cho doanh nghiệp.

6. Mặc dù có các quy định trên của Điều này, một doanh nghiệp bảo hiểm của một Nước ký kết, trừ trường hợp tái bảo hiểm, sẽ được coi là có một cơ sở thường trú tại Nước ký kết kia nếu doanh nghiệp đó thu phí bảo hiểm trong lãnh thổ của Nước ký kết kia hoặc bảo hiểm các rủi ro tại đó thông qua một đối tượng không phải là một đại lý có tư cách độc lập được điều chỉnh bởi khoản 7.

7. Một doanh nghiệp sẽ không được coi là có một cơ sở thường trú tại một Nước ký kết chỉ vì doanh nghiệp đó thực hiện kinh doanh tại Nước ký kết đó thông qua một đại lý môi giới, một đại lý hoa hồng hoặc bất kỳ

một đại lý nào khác có tư cách độc lập, với điều kiện những đối tượng này hoạt động trong khuôn khổ kinh doanh thông thường của họ. Tuy nhiên, khi các hoạt động của đại lý đó dành toàn bộ hoặc hầu như toàn bộ thay mặt cho doanh nghiệp đó, đại lý đó sẽ không được coi là đại lý có tư cách độc lập theo nghĩa của khoản này.

8. Việc một công ty là đối tượng cư trú của một Nước ký kết kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát bởi một công ty là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia, hoặc tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia (có thể thông qua một cơ sở thường trú hoặc dưới hình thức khác), sẽ không làm cho bất kỳ công ty nào trở thành cơ sở thường trú của công ty kia.

Điều 6

THU NHẬP TỪ BẤT ĐỘNG SẢN

1. Thu nhập mà một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ bất động sản (kể cả thu nhập từ nông nghiệp hoặc lâm nghiệp) có tại Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia.

2. Thuật ngữ "bất động sản" sẽ có nghĩa theo như luật của Nước ký kết nơi có bất động sản đó. Thuật ngữ này trong mọi trường hợp sẽ bao gồm cả những phần tài sản phụ kèm theo bất động sản, đàn gia súc và thiết bị sử dụng trong nông nghiệp và lâm nghiệp, các quyền lợi được áp dụng theo các quy định tại luật chung về điền sản, quyền sử dụng bất động sản và các quyền được hưởng các khoản thanh toán cố định hoặc không cố định trả cho việc khai thác, hoặc quyền khai thác các mỏ, nguồn khoáng sản và các tài nguyên thiên nhiên khác. Các tàu thủy và máy bay sẽ không được coi là bất động sản.

3. Các quy định của khoản 1 sẽ áp dụng đối với thu nhập phát sinh từ việc trực tiếp sử dụng, cho thuê, hoặc sử dụng dưới bất kỳ hình thức nào khác của bất động sản.

4. Các quy định của các khoản 1 và 3 cũng sẽ áp dụng đối với thu nhập từ bất động sản của một doanh nghiệp và đối với thu nhập từ bất động sản được sử dụng để thực hiện các dịch vụ cá nhân độc lập.

Điều 7

LỢI NHUẬN KINH DOANH

1. Lợi nhuận của một doanh nghiệp của một Nước ký kết sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết đó, trừ trường hợp doanh nghiệp có tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia thông qua một cơ sở thường trú tại Nước ký kết kia. Nếu doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh theo cách trên, thì các khoản lợi nhuận của doanh nghiệp có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia nhưng chỉ trên phần lợi nhuận phân bổ cho:

   a) cơ sở thường trú đó;

   b) việc bán tại Nước ký kết kia những hàng hóa cùng loại hoặc tương tự như những hàng hóa bán qua cơ sở thường trú đó; hoặc

   c) các hoạt động kinh doanh khác được thực hiện tại Nước ký kết kia cùng loại hoặc tương tự với những hoạt động được thực hiện thông qua cơ sở thường trú đó.

2. Thể theo các quy định của khoản 3, khi một doanh nghiệp của một Nước ký kết tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia thông qua một cơ sở thường trú tại Nước ký kết kia, thì tại mỗi Nước ký kết sẽ có những khoản lợi nhuận được phân bổ cho cơ sở thường trú nói trên mà cơ sở thường trú đó có thể thu được nếu nó là một doanh nghiệp riêng và tách biệt cùng tham gia vào các hoạt động như nhau hoặc tương tự trong cùng các điều kiện như nhau hoặc tương tự và có quan hệ hoàn toàn độc lập với doanh nghiệp mà cơ sở đó được coi là cơ sở thường trú.

3. Trong khi xác định lợi nhuận của một cơ sở thường trú, cơ sở thường trú này sẽ được phép khấu trừ các khoản chi phí phát sinh phục vụ cho mục đích của cơ sở thường trú này, bao gồm cả chi phí điều hành và chi phí quản lý chung cho dù chi phí đó phát sinh tại Nước nơi cơ sở thường trú đó đóng hoặc ở bất kỳ nơi nào khác. Tuy nhiên, sẽ không cho phép tính vào các khoản chi phí được trừ bất kỳ khoản tiền nào, nếu có, do cơ sở thường trú trả cho (trừ các khoản tiền thanh toán các chi phí thực tế) trụ sở chính của doanh nghiệp hoặc bất kỳ văn phòng nào khác của doanh nghiệp dưới hình thức tiền bản quyền, các khoản phí hoặc bất kỳ khoản thanh toán tương tự nào khác để được phép sử dụng sáng chế hoặc các quyền khác, hoặc dưới hình thức tiền hoa hồng trả cho việc thực hiện các dịch vụ riêng biệt hoặc trả cho công việc quản lý, hoặc dưới hình thức lãi tính trên tiền cho cơ sở thường trú vay, trừ trường hợp tiền lãi của tổ chức ngân hàng. Tương tự như vậy, khi xác định lợi nhuận của cơ sở

thường trú sẽ không tính đến các khoản tiền (trừ các khoản tiền thanh toán các chi phí thực tế) do cơ sở thường trú thu từ trụ sở chính của doanh nghiệp hoặc bất kỳ văn phòng nào khác của doanh nghiệp, dưới hình thức tiền bản quyền, các khoản phí hoặc các khoản thanh toán tương tự để cho phép sử dụng sáng chế hoặc các quyền khác, hoặc dưới hình thức tiền hoa hồng trả cho việc thực hiện các dịch vụ riêng biệt hoặc trả cho công việc quản lý, hoặc dưới hình thức lãi tính trên tiền cho trụ sở chính của doanh nghiệp hoặc bất kỳ văn phòng nào của doanh nghiệp vay, trừ trường hợp lãi từ tiền cho vay của tổ chức ngân hàng.

4. Không có nội dung nào tại Điều này sẽ ảnh hưởng đến việc áp dụng bất kỳ luật nào của một Nước ký kết liên quan đến việc xác định nghĩa vụ nộp thuế của một đối tượng trong các trường hợp nhà chức trách có thẩm quyền của Nước ký kết đó không có đủ thông tin để xác định lợi nhuận phân bổ cho cơ sở thường trú, với điều kiện luật đó được áp dụng phù hợp với các nguyên tắc nêu tại Điều này, trong phạm vi thông tin cung cấp cho nhà chức trách có thẩm quyền cho phép.

5. Trường hợp tại một Nước ký kết vẫn thường xác định các khoản lợi nhuận được phân bổ cho cơ sở thường trú trên cơ sở phân chia tổng các khoản lợi nhuận của doanh nghiệp thành những phần khác nhau, không có nội dung nào tại khoản 2 ngăn cản Nước ký kết đó xác định lợi nhuận chịu thuế theo cách phân chia theo thông lệ trên; tuy nhiên, phương pháp phân chia được áp dụng như vậy phải đưa ra kết quả phù hợp với những nguyên tắc nêu tại Điều này.

6. Khi lợi nhuận bao gồm các khoản thu nhập được đề cập riêng tại các Điều khác của Hiệp định này, thì các quy định của các Điều đó không bị ảnh hưởng bởi các quy định của Điều này.

7. Theo nội dung của các khoản trên, các khoản lợi nhuận được phân bổ cho cơ sở thường trú sẽ được xác định theo cùng một phương pháp giữa các năm trừ khi có đủ lý do chính đáng để xác định theo phương pháp khác.

Điều 8

THU NHẬP TỪ VẬN TẢI QUỐC TẾ

1. Lợi nhuận do một doanh nghiệp của một Nước ký kết thu được từ hoạt động của tàu thuỷ hoặc máy bay trong vận tải quốc tế sẽ chỉ chịu thuế tại Nước ký kết đó.

2. Các quy định của khoản 1 cũng sẽ áp dụng cho các khoản lợi nhuận từ việc tham gia vào một tổ hợp, một liên doanh hoặc một hãng hoạt động quốc tế.

Điều 9

CÁC DOANH NGHIỆP LIÊN KẾT

1. Khi

   a) một doanh nghiệp của một Nước ký kết tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào việc điều hành, kiểm soát hoặc góp vốn vào một doanh nghiệp của Nước ký kết kia, hoặc

   b) các đối tượng cùng tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào việc điều hành, kiểm soát hoặc góp vốn vào một doanh nghiệp của một Nước ký kết và vào một doanh nghiệp của Nước ký kết kia,

và trong cả hai trường hợp, trong các mối quan hệ thương mại hoặc quan hệ tài chính giữa hai doanh nghiệp trên có những điều kiện được xác lập hoặc áp đặt khác với điều kiện được đưa ra giữa các doanh nghiệp độc lập, lúc đó mọi khoản lợi nhuận mà một doanh nghiệp có thể thu được nếu không có các điều kiện trên, nhưng nay vì những điều kiện này mà doanh nghiệp đó không thu được, sẽ vẫn được tính vào các khoản lợi nhuận của doanh nghiệp đó và bị đánh thuế tương ứng.

2. Khi một Nước ký kết tính vào các khoản lợi nhuận của một doanh nghiệp tại Nước ký kết đó – và đánh thuế tương ứng – các khoản lợi nhuận mà một doanh nghiệp tại Nước ký kết kia đã bị đánh thuế ở Nước ký kết kia và những khoản lợi nhuận được tính vào như vậy là những khoản lợi nhuận lẽ ra thuộc về doanh nghiệp tại Nước ký kết thứ nhất nếu như những điều kiện đặt ra giữa hai doanh nghiệp trên

là những điều kiện được xác lập giữa các doanh nghiệp độc lập, khi đó Nước ký kết kia sẽ điều chỉnh các khoản thuế tại Nước mình đối với các khoản lợi nhuận trên cho phù hợp. Trong khi xác định sự điều chỉnh trên sẽ xem xét đến các quy định khác của Hiệp định này và khi cần thiết các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ tham khảo ý kiến của nhau.

Điều 10

TIỀN LÃI CỔ PHẦN

1. Tiền lãi cổ phần do một công ty là đối tượng cư trú của một Nước ký kết trả cho một đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia.

2. Tuy nhiên, những khoản tiền lãi cổ phần đó cũng có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi công ty trả tiền lãi cổ phần là đối tượng cư trú và theo các luật của Nước ký kết đó, nhưng nếu đối tượng nhận là đối tượng thực hưởng tiền lãi cổ phần và là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia thì mức thuế khi đó được tính sẽ không vượt quá:

   (a) 5 phần trăm tổng số tiền lãi cổ phần nếu đối tượng thực hưởng là một công ty nắm giữ trực tiếp ít nhất 70 phần trăm quyền bỏ phiếu của công ty trả tiền lãi cổ phần;

   (b) 15 phần trăm tổng số tiền lãi cổ phần trong tất cả các trường hợp khác.

Các quy định của khoản này sẽ không ảnh hưởng tới việc đánh thuế công ty đối với lợi nhuận dùng để chia lãi cổ phần.

3. Thuật ngữ "tiền lãi cổ phần" được sử dụng tại Điều này có nghĩa là thu nhập từ cổ phần hoặc các quyền lợi khác, không phải là các khoản nợ, được hưởng lợi nhuận, cũng như thu nhập từ các quyền lợi công ty khác cùng chịu sự điều chỉnh của chính sách thuế đối với thu nhập từ cổ phần theo các luật của Nước ký kết nơi công ty thực hiện phân chia là đối tượng cư trú.

4. Các quy định của các khoản 1 và 2 sẽ không áp dụng trong trường hợp đối tượng thực hưởng các khoản tiền lãi cổ phần là đối tượng cư trú của một Nước ký kết có tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia, nơi công ty trả tiền lãi cổ phần là đối tượng cư trú, thông qua một cơ sở

thường trú nằm tại Nước đó, hoặc tiến hành tại Nước ký kết kia các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định nằm tại Nước ký kết kia, và quyền nắm giữ các cổ phần được hưởng tiền lãi cổ phần, có sự liên hệ thực tế đến cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định nói trên. Trong trường hợp như vậy các quy định tại Điều 7 hoặc Điều 15 của Hiệp định này, tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

5. Khi một công ty là đối tượng cư trú của một Nước ký kết nhận được lợi nhuận hoặc thu nhập phát sinh từ Nước ký kết kia thì Nước ký kết kia có thể không đánh thuế đối với những khoản tiền lãi cổ phần do công ty này trả, trừ trường hợp các khoản tiền lãi cổ phần này được trả cho một đối tượng cư trú của Nước ký kết kia hoặc việc nắm giữ mà theo đó các khoản tiền lãi cổ phần được trả có sự liên hệ thực tế với một cơ sở thường trú hoặc một cơ sở cố định tại Nước ký kết kia, đồng thời Nước ký kết kia cũng không buộc các khoản lợi nhuận không chia của công ty trên phải chịu thuế đối với những khoản lợi nhuận không chia của công ty, cho dù các khoản tiền lãi cổ phần được chia hoặc các khoản lợi nhuận không chia bao gồm toàn bộ hoặc một phần các khoản lợi nhuận hoặc thu nhập phát sinh tại Nước ký kết kia.

6. Không có nội dung nào tại Hiệp định này được hiểu là ngăn cản một Nước ký kết đánh một loại thuế đặc biệt đối với lợi nhuận của một công ty được phân bổ cho một cơ sở thường trú tại Nước ký kết đó, để bổ sung cho khoản thuế mà lẽ ra được đánh trên lợi nhuận ròng của một công ty là một đối tượng mang quốc tịch của Nước ký kết đó, với điều kiện bất kỳ khoản thuế bổ sung nào khi đó được đánh sẽ không vượt quá 5 phần trăm số lợi nhuận ròng mà đã không chịu khoản thuế bổ sung này trong các năm tính thuế trước đây. Theo nội dung của quy định này, lợi nhuận ròng sẽ được xác định sau khi trừ đi tất cả các khoản thuế không phải là khoản thuế bổ sung được đề cập tại khoản này, được đánh tại Nước ký kết nơi có cơ sở thường trú.

Điều 11

LÃI TỪ TIỀN CHO VAY

1. Lãi từ tiền cho vay phát sinh tại một Nước ký kết và được trả cho một đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia.

2. Tuy nhiên, khoản tiền lãi này cũng có thể bị đánh thuế ở Nước ký kết nơi phát sinh lãi và theo các luật của Nước ký kết đó, nhưng nếu đối tượng nhận là đối tượng thực hưởng lãi từ tiền cho vay và là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia thì mức thuế khi đó được tính sẽ không vượt quá 10 phần trăm tổng số khoản lãi từ tiền cho vay.

3. Mặc dù đã có các quy định của khoản 2:

a) Lãi từ tiền cho vay phát sinh tại Ca-dắc-xtan sẽ chỉ bị đánh thuế tại Việt Nam nếu lãi từ tiền cho vay được trả cho:

(i) Chính phủ Việt Nam hoặc các chính quyền địa phương; hoặc

(ii) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hoặc bất kỳ Ngân hàng Chính phủ nào khác; hoặc

(iii) bất kỳ tổ chức nào thuộc sở hữu toàn bộ của Chính phủ Việt Nam tuỳ theo thỏa thuận giữa nhà chức trách có thẩm quyền của các Nước ký kết.

b) Lãi từ tiền cho vay phát sinh tại Việt Nam sẽ chỉ bị đánh thuế tại Ca-dắc-xtan nếu lãi từ tiền cho vay được trả cho:

(i) Chính phủ nước Cộng hoà Ca-dắc-xtan hoặc các chính quyền địa phương;

(ii) Ngân hàng Trung ương Ca-dắc-xtan hoặc bất kỳ Ngân hàng Chính phủ nào khác; hoặc

(iii) bất kỳ tổ chức nào thuộc sở hữu toàn bộ của Chính phủ nước Cộng hoà Ca-dắc-xtan tuỳ theo thỏa thuận giữa nhà chức trách có thẩm quyền của các Nước ký kết.

4. Thuật ngữ "lãi từ tiền cho vay" được sử dụng trong Điều này có nghĩa là thu nhập từ các khoản cho vay dưới bất kỳ hình thức nào, có hoặc không được đảm bảo bằng thế chấp, và có hoặc không có quyền được hưởng lợi nhuận của người đi vay, và đặc biệt là khoản thu nhập từ chứng khoán của Chính phủ/nhà nước và thu nhập từ trái phiếu hoặc trái phiếu công ty, bao gồm cả tiền thưởng và giải thưởng đi liền với các chứng khoán, trái phiếu hoặc trái phiếu công ty đó. Các khoản phạt trả chậm sẽ không được coi là lãi từ tiền cho vay theo quy định của Điều này.

5. Các quy định của khoản 1, 2 và 3 sẽ không áp dụng nếu đối tượng thực hưởng các khoản lãi từ tiền cho vay là đối tượng cư trú của một Nước ký kết, tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia nơi phát sinh các khoản lãi từ tiền cho vay, thông qua một cơ sở thường trú tại Nước ký

kết kia, hoặc thực hiện tại Nước ký kết kia các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định tại Nước ký kết kia, và khoản nợ có các khoản tiền lãi được trả có sự liên hệ thực tế với cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó, hoặc việc bán hàng hóa, hoặc các hoạt động kinh doanh nêu tại điểm a) – c) của khoản 1 Điều 7 của Hiệp định này. Trong trường hợp này, các quy định tại Điều 7 hoặc Điều 15 của Hiệp định này, tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

6. Lãi từ tiền cho vay sẽ được coi là phát sinh tại một Nước ký kết khi đối tượng trả là đối tượng cư trú của Nước ký kết đó. Tuy nhiên, khi đối tượng trả lãi có ở một Nước ký kết một cơ sở thường trú hoặc một cơ sở cố định liên quan đến các khoản nợ đã phát sinh các khoản lãi này, và khoản tiền lãi đó do cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó chịu, thì dù đối tượng có là đối tượng cư trú của một Nước ký kết hay không, khoản tiền lãi này sẽ vẫn được coi là phát sinh tại Nước ký kết nơi có cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó.

7. Trường hợp do mối quan hệ đặc biệt giữa đối tượng trả lãi và đối tượng thực hưởng lãi hoặc giữa cả hai đối tượng trên và các đối tượng khác, khoản lãi từ tiền cho vay được trả cho khoản nợ có liên quan, vượt quá khoản tiền được thỏa thuận giữa đối tượng trả lãi và đối tượng thực hưởng khi không có mối quan hệ đặc biệt này, thì khi đó, các quy định của Điều này sẽ chỉ áp dụng đối với các khoản tiền thanh toán khi không có mối quan hệ đặc biệt trên. Trong trường hợp này, phần thanh toán vượt sẽ bị đánh thuế theo các luật của từng Nước ký kết, có xem xét thích đáng đến các quy định khác của Hiệp định này.

Điều 12

TIỀN BẢN QUYỀN

1. Tiền bản quyền phát sinh tại một Nước ký kết và được trả cho đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia.

2. Tuy nhiên, các khoản tiền bản quyền đó cũng có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi phát sinh tiền bản quyền và theo các luật của Nước ký kết đó, nhưng nếu người nhận là người thực hưởng tiền bản quyền và là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia thì mức thuế khi đó được tính sẽ không vượt quá 10 phần trăm tổng số tiền bản quyền.

3. Thuật ngữ "tiền bản quyền" được sử dụng tại Điều này có nghĩa là các khoản thanh toán dưới bất kỳ hình thức nào được trả cho việc sử dụng, hoặc quyền sử dụng, bất kỳ bản quyền tác giả nào của một tác phẩm văn học, nghệ thuật hoặc khoa học, kể cả phần mềm, phim điện ảnh, hoặc các loại phim hoặc băng dùng cho phát thanh hoặc truyền hình, bất kỳ sáng chế, nhãn hiệu, thiết kế hoặc mẫu, đồ án, công thức hoặc quy trình bí mật, hoặc trả cho thông tin liên quan đến các kinh nghiệm công nghiệp, thương mại hoặc khoa học hoặc trả cho việc sử dụng, hoặc quyền sử dụng, thiết bị công nghiệp, thương mại hoặc khoa học.

4. Các quy định của khoản 1 và 2 sẽ không áp dụng nếu đối tượng thực hưởng các khoản tiền bản quyền, là đối tượng cư trú của một Nước ký kết, tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia nơi có khoản tiền bản quyền phát sinh, thông qua một cơ sở thường trú có tại Nước ký kết kia, hoặc tiến hành tại Nước ký kết kia các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định có tại Nước ký kết kia, và quyền hoặc tài sản có các khoản tiền bản quyền được trả có sự liên hệ thực tế với cơ sở thường trú hoặc với cơ sở cố định đó, hoặc việc bán hàng hóa, hoặc các hoạt động kinh doanh nêu tại điểm a) – c) của khoản 1 Điều 7 của Hiệp định này. Trong trường hợp này, các quy định tại Điều 7 hoặc Điều 15, tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

5. Tiền bản quyền sẽ được coi là phát sinh tại một Nước ký kết khi đối tượng trả là đối tượng cư trú của Nước ký kết đó. Tuy nhiên, khi đối tượng trả tiền bản quyền, cho dù đối tượng đó là hoặc không là đối tượng cư trú của một Nước ký kết, có ở một Nước ký kết một cơ sở thường trú hoặc một cơ sở cố định liên quan đến trách nhiệm trả tiền bản quyền đã phát sinh, và khoản tiền bản quyền đó do cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó chịu, thì khoản tiền bản quyền này sẽ vẫn được coi là phát sinh tại Nước ký kết nơi có cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó.

6. Trường hợp do mối quan hệ đặc biệt giữa đối tượng trả và đối tượng thực hưởng hoặc giữa cả hai đối tượng trên và các đối tượng khác, khoản tiền bản quyền được trả cho việc sử dụng, quyền hoặc thông tin, vượt quá khoản tiền được thoả thuận giữa đối tượng trả và đối tượng thực hưởng khi không có mối quan hệ đặc biệt này, thì khi đó, các quy định của Điều này sẽ chỉ áp dụng đối với khoản tiền thanh toán khi không có mối quan hệ đặc biệt trên. Trong trường hợp này, phần thanh toán vượt sẽ bị đánh thuế theo các luật của từng Nước ký kết, có xem xét thích đáng đến các quy định khác của Hiệp định này.

Điều 13

PHÍ DỊCH VỤ KỸ THUẬT

1. Phí dịch vụ kỹ thuật thu được từ một trong hai Nước ký kết bởi một đối tượng cư trú của Nước ký kết kia là đối tượng thực hưởng khoản phí đó và phải chịu thuế tại Nước ký kết kia đối với khoản phí đó có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết thứ nhất với thuế suất không quá 15 phần trăm tổng số khoản phí dịch vụ kỹ thuật.

2. Thuật ngữ "phí dịch vụ kỹ thuật" được sử dụng tại Điều này có nghĩa là các khoản thanh toán dưới bất kỳ hình thức nào được trả cho bất kỳ đối tượng nào, không phải là người làm thuê của đối tượng trả tiền, có liên hệ tới các hoạt động mang tính chất dịch vụ kỹ thuật, quản lý và tư vấn.

3. Các quy định tại khoản 1 Điều này sẽ không áp dụng nếu đối tượng thực hưởng các khoản tiền phí dịch vụ kỹ thuật, là đối tượng cư trú của một Nước ký kết, tiến hành hoạt động kinh doanh ở Nước ký kết kia nơi có khoản phí dịch vụ kỹ thuật phát sinh thông qua một cơ sở thường trú đặt tại đó, hoặc tiến hành tại Nước ký kết kia các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập, và phí dịch vụ kỹ thuật có sự liên hệ thực tế với cơ sở thường trú hoặc dịch vụ đó. Trong trường hợp này, các quy định tại Điều 7 hoặc Điều 15 của Hiệp định này, tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

4. Phí dịch vụ kỹ thuật sẽ được coi là phát sinh tại một Nước ký kết khi đối tượng trả tiền phí dịch vụ kỹ thuật chính là đối tượng cư trú của Nước ký kết đó. Tuy nhiên, khi đối tượng trả tiền phí dịch vụ kỹ thuật, cho dù đối tượng đó là hoặc không là đối tượng cư trú của một Nước ký kết, có ở một Nước ký kết một cơ sở thường trú liên quan đến nghĩa vụ trả tiền phí dịch vụ kỹ thuật đã phát sinh, và khoản tiền phí dịch vụ kỹ thuật đó do cơ sở thường trú đó chịu, thì khoản tiền phí dịch vụ kỹ thuật này sẽ vẫn được coi là phát sinh tại Nước ký kết nơi có cơ sở thường trú đó.

5. Trường hợp do mối quan hệ đặc biệt giữa đối tượng trả và đối tượng thực hưởng hoặc giữa cả hai đối tượng trên với các đối tượng khác, khoản tiền phí dịch vụ kỹ thuật được trả, vì bất kỳ lý do gì, vượt quá khoản tiền được thoả thuận giữa đối tượng trả và đối tượng thực hưởng khi không có mối quan hệ đặc biệt này, thì khi đó, các quy định của Điều này sẽ chỉ áp dụng đối với khoản tiền thanh toán khi không có mối quan hệ đặc biệt trên. Trong trường hợp này, phần thanh toán vượt sẽ bị đánh thuế theo các luật của từng Nước ký kết, có xem xét thích đáng đến các quy định khác của Hiệp định này.

Điều 14

THU NHẬP TỪ CHUYỂN NHƯỢNG TÀI SẢN

1. Thu nhập do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ chuyển nhượng bất động sản được nêu tại khoản 2 Điều 6 và có tại Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia.

2. Thu nhập do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ việc chuyển nhượng cổ phần hoặc các quyền lợi khác trong một công ty có tài sản trực tiếp hoặc gián tiếp, toàn bộ hay chủ yếu là bất động sản nằm tại Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia. Theo nội dung của khoản này, khái niệm "chủ yếu" liên quan đến quyền của bất động sản có nghĩa là giá trị của bất động sản đó vượt quá 30% giá trị gộp của tất cả các tài sản do công ty sở hữu.

3. Thu nhập từ việc chuyển nhượng các cổ phần khác với cổ phần nêu tại khoản 2 đại diện cho một sự tham gia của tối thiểu 25 phần trăm trong một công ty là đối tượng cư trú của một Nước ký kết có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết đó.

4. Thu nhập từ chuyển nhượng động sản là một phần của tài sản kinh doanh của một cơ sở thường trú mà một doanh nghiệp của một Nước ký kết có tại Nước ký kết kia hoặc động sản thuộc một cơ sở cố định của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết có tại Nước ký kết kia để tiến hành hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập, kể cả thu nhập từ việc chuyển nhượng cơ sở thường trú đó (chuyển nhượng riêng cơ sở thường trú đó hoặc cùng với toàn bộ doanh nghiệp) hoặc cơ sở cố định đó, có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia.

5. Thu nhập do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ việc chuyển nhượng các tàu thuỷ hoặc máy bay hoạt động trong vận tải quốc tế, hoặc từ chuyển nhượng động sản gắn liền với hoạt động của tàu thuỷ hoặc máy bay đó, sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết đó.

6. Thu nhập từ việc chuyển nhượng bất kỳ tài sản nào khác với tài sản nêu tại các khoản trên, sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi đối tượng chuyển nhượng là đối tượng cư trú.

Điều 15

DỊCH VỤ CÁ NHÂN ĐỘC LẬP

1. Thu nhập do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ các dịch vụ ngành nghề hoặc các hoạt động khác có tính chất độc lập sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết đó trừ các trường hợp sau, khi đó những thu nhập này cũng có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia:

   a) Nếu đối tượng đó thường xuyên có tại Nước ký kết kia một cơ sở cố định để thực hiện các hoạt động này; trong trường hợp đó, chỉ phần thu nhập phân bổ cho cơ sở cố định đó có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia; hoặc

   b) Nếu đối tượng đó có mặt tại Nước ký kết kia trong một khoảng thời gian hoặc nhiều khoảng thời gian gộp lại đến hoặc vượt quá 183 ngày trong bất kỳ giai đoạn mười hai tháng nào bắt đầu hoặc kết thúc trong năm tài chính có liên quan; trong trường hợp đó, chỉ phần thu nhập phát sinh từ các hoạt động của đối tượng đó được thực hiện tại Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia.

Trong trường hợp như vậy, thu nhập phân bổ cho các dịch vụ có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia phù hợp với các nguyên tắc tương tự như các nguyên tắc của Điều 7 của Hiệp định này để xác định số lợi nhuận kinh doanh và phân bổ lợi nhuận kinh doanh cho một cơ sở thường trú.

2. Thuật ngữ "dịch vụ ngành nghề" bao gồm chủ yếu những hoạt động khoa học, văn học, nghệ thuật, giáo dục hoặc giảng dạy mang tính chất độc lập như các hoạt động độc lập của các thầy thuốc, nha sĩ, luật sư, kỹ sư, kiến trúc sư và kế toán viên.

Điều 16

DỊCH VỤ CÁ NHÂN PHỤ THUỘC

1. Thể theo quy định của các Điều 17, 19 và 20 của Hiệp định này, các khoản tiền lương, tiền công và các khoản tiền thù lao tương tự khác do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ lao động làm công sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết đó trừ khi lao động làm công

của đối tượng đó được thực hiện tại Nước ký kết kia. Nếu lao động làm công được thực hiện như vậy, số tiền công trả cho lao động làm công đó có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia.

2. Mặc dù có các quy định của khoản 1, tiền công do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ lao động làm công tại Nước ký kết kia sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết thứ nhất, nếu:

a) người nhận tiền công hiện có mặt tại Nước ký kết kia trong một khoảng thời gian hoặc nhiều khoảng thời gian gộp lại không quá 183 ngày trong bất kỳ giai đoạn mười hai tháng liên tục bắt đầu hoặc kết thúc trong năm tính thuế có liên quan, và

b) chủ lao động hoặc đối tượng đại diện chủ lao động trả tiền công lao động không phải là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia; và

c) tiền công không phải phát sinh tại một cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định mà chủ lao động có tại Nước ký kết kia.

3. Mặc dù có các quy định trên của Điều này, tiền công nhận được cho việc làm công trên tàu thủy hoặc máy bay hoạt động trong vận tải quốc tế, có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi doanh nghiệp điều hành tàu thuỷ hoặc máy bay là đối tượng cư trú.

Điều 17

THÙ LAO GIÁM ĐỐC

Các khoản thù lao cho giám đốc và các khoản thanh toán tương tự khác do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết nhận được với tư cách là thành viên của ban giám đốc hoặc tổ chức tương tự của một công ty là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia.

Điều 18

NGHỆ SỸ VÀ VẬN ĐỘNG VIÊN

1. Mặc dù có những quy định của các Điều 15 và 16 của Hiệp định này, thu nhập của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được với tư cách

người biểu diễn, như diễn viên sân khấu, diễn viên điện ảnh, nghệ sĩ phát thanh hoặc truyền hình, hoặc nhạc công, hoặc với tư cách là vận động viên từ những hoạt động cá nhân của người đó thực hiện tại Nước ký kết kia, có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia.

2. Trường hợp thu nhập liên quan đến các hoạt động trình diễn cá nhân của người biểu diễn hoặc vận động viên nhưng không được trả cho bản thân người biểu diễn hoặc vận động viên mà trả cho đối tượng khác, thì thu nhập này có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi diễn ra những hoạt động trình diễn của người biểu diễn hoặc vận động viên, mặc dù đã có những quy định của các Điều 7, 15 và 16 của Hiệp định này.

Điều 19

TIỀN LƯƠNG HƯU VÀ NIÊN KIM NHÂN THỌ

1. Thể theo các quy định của khoản 2 Điều 20, tiền lương hưu và các khoản thù lao tương tự khác được trả cho một đối tượng cư trú của một Nước ký kết do các công việc đã làm trước đây và niên kim nhân thọ trả cho đối tượng cư trú đó sẽ chỉ bị đánh thuế ở Nước ký kết đó.

2. Thuật ngữ "niên kim nhân thọ" là một khoản tiền nhất định phải thanh toán cho một cá nhân theo định kỳ vào các thời điểm nhất định trong cuộc đời của người đó hoặc vào một thời kỳ cụ thể theo nghĩa vụ đóng góp để nhận lại một khoản chi trả toàn bộ và thỏa đáng bằng tiền hoặc có giá trị như tiền.

Điều 20

PHỤC VỤ CHÍNH PHỦ

1. a) Các khoản tiền lương, tiền công và các khoản tiền thù lao tương tự khác, trừ tiền lương hưu, do một Nước ký kết hoặc chính quyền địa phương của Nước ký kết đó trả cho một cá nhân đối với các công việc phục vụ cho Nhà nước hoặc chính quyền địa phương đó sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết đó.

b) Tuy nhiên, khoản tiền lương, tiền công và các khoản tiền thù lao tương tự khác này sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết kia nếu việc phục vụ này được thực hiện tại Nước ký kết kia và nếu cá nhân này là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia, đồng thời:

(i) là đối tượng mang quốc tịch của Nước ký kết kia; hoặc

(ii) không trở thành đối tượng cư trú của Nước ký kết kia chỉ đơn thuần vì thực hiện các công việc trên.

2. a) Bất kỳ một khoản tiền lương hưu nào do một Nước ký kết hoặc một chính quyền địa phương của Nước đó, hoặc do các quỹ của những cơ quan này lập ra trả cho một cá nhân đối với các công việc phục vụ cho Nhà nước hoặc chính quyền địa phương sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết đó.

b) Tuy nhiên, những khoản tiền lương hưu này sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết kia nếu cá nhân này là đối tượng cư trú, và là đối tượng mang quốc tịch của Nước ký kết kia.

3. Những quy định của các Điều 16, 17, 18 và 19 của Hiệp định này sẽ áp dụng đối với những khoản tiền lương, tiền công và các khoản tiền thù lao tương tự khác và tiền lương hưu đối với các công việc liên quan đến một hoạt động kinh doanh được tiến hành bởi một Nước ký kết hoặc chính quyền địa phương của Nước đó.

Điều 21

SINH VIÊN VÀ THỰC TẬP SINH

1. Những khoản tiền mà một sinh viên hoặc thực tập sinh nhận được để trang trải các khoản chi phí sinh hoạt, học tập hoặc đào tạo mà người sinh viên hoặc thực tập sinh này ngay trước khi đến một Nước ký kết đang và đã là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia và hiện có mặt tại Nước ký kết thứ nhất chỉ với mục đích học tập hoặc đào tạo, sẽ không bị đánh thuế tại Nước ký kết đó, với điều kiện những khoản thanh toán đó có nguồn gốc từ bên ngoài Nước ký kết đó.

2. Mặc dù đã có những quy định của các Điều 15 và 16 của Hiệp định này, tiền công trả cho các hoạt động phục vụ của sinh viên hoặc thực tập sinh thực hiện tại một Nước ký kết sẽ không phải nộp thuế tại Nước ký kết

đó, với điều kiện những hoạt động phục vụ đó có liên quan đến các hoạt động học tập hay đào tạo của đối tượng đó.

Điều 22

GIÁO VIÊN, GIÁO SƯ VÀ NHÀ NGHIÊN CỨU

Một cá nhân hiện là hoặc ngay trước khi sang một Nước ký kết đã là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia và cá nhân đó hiện có mặt tại Nước ký kết thứ nhất với mục đích chủ yếu là giảng dạy, thuyết trình hoặc tiến hành nghiên cứu tại các tổ chức giáo dục hoặc các cơ sở nghiên cứu khoa học của một Nước ký kết được Chính phủ của Nước ký kết thứ nhất công nhận sẽ được miễn thuế tại Nước ký kết thứ nhất đối với khoản tiền công trả cho việc giảng dạy hoặc nghiên cứu đó trong thời hạn 2 năm kể từ ngày đầu tiên cá nhân đó đến Nước ký kết thứ nhất.

Điều 23

THU NHẬP KHÁC

1. Các khoản thu nhập của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết, cho dù phát sinh ở đâu, chưa được đề cập đến tại những Điều trên của Hiệp định này sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết đó.

2. Các quy định của khoản 1 sẽ không áp dụng đối với thu nhập, trừ thu nhập từ bất động sản được định nghĩa tại khoản 2 Điều 6 của Hiệp định này, nếu đối tượng thực hưởng thu nhập là đối tượng cư trú của một Nước ký kết, có tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia thông qua một cơ sở thường trú nằm tại Nước kia, hoặc thực hiện tại Nước ký kết kia những hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định tại Nước kia, và quyền hoặc tài sản liên quan đến số thu nhập được chi trả có sự liên hệ thực tế với cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định trên. Trong trường hợp đó những quy định của Điều 7 hoặc Điều 15 của Hiệp định này, tuỳ từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

3. Mặc dù có những quy định của các khoản 1 và 2, các khoản thu nhập của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết chưa được đề cập đến tại các

Điều trên của Hiệp định này và phát sinh tại Nước ký kết kia cũng có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia.

Điều 24

XÓA BỎ VIỆC ĐÁNH THUẾ HAI LẦN

1. Trong trường hợp của Ca-dắc-xtan, việc đánh thuế hai lần sẽ được xóa bỏ như sau:

Trường hợp một đối tượng cư trú của Ca-dắc-xtan nhận được thu nhập mà theo các quy định của Hiệp định này, có thể bị đánh thuế tại Việt Nam, khi đó Ca-dắc-xtan sẽ cho phép khấu trừ vào thuế đánh trên thu nhập của đối tượng cư trú đó một số tiền bằng với số thuế thu nhập đã nộp tại Việt Nam.

Số thuế được khấu trừ theo quy định nêu trên sẽ không vượt quá thuế đáng ra đã được thu trên cùng thu nhập tại Ca-dắc-xtan theo các thuế suất áp dụng tại đó.

Trường hợp một đối tượng cư trú của Ca-dắc-xtan nhận được thu nhập mà theo các quy định của Hiệp định này, sẽ chỉ bị đánh thuế tại Việt Nam, khi đó Ca-dắc-xtan có thể gộp thu nhập này vào cơ sở tính thuế nhưng chỉ để xác định mức thuế suất đối với thu nhập đó như là thu nhập phải chịu thuế tại Ca-dắc-xtan.

2. Trong trường hợp của Việt Nam, việc đánh thuế hai lần sẽ được xóa bỏ như sau:

Trường hợp một đối tượng cư trú của Việt Nam nhận được thu nhập, lợi nhuận hoặc thu nhập từ chuyển nhượng tài sản mà theo luật của Ca-dắc-xtan và phù hợp với Hiệp định này có thể bị đánh thuế tại Ca-dắc-xtan, Việt Nam sẽ cho phép khấu trừ vào thuế đánh trên thu nhập, lợi nhuận hoặc thu nhập từ chuyển nhượng tài sản một số tiền bằng với số thuế đã nộp tại Ca-dắc-xtan. Tuy nhiên, khoản khấu trừ sẽ không vượt quá số thuế Việt Nam đánh trên thu nhập, lợi nhuận hoặc thu nhập từ chuyển nhượng tài sản đó được tính phù hợp với cả các luật và quy định về thuế của Việt Nam.

Trường hợp một đối tượng cư trú của Việt Nam nhận được thu nhập mà theo các quy định của Hiệp định này sẽ chỉ bị đánh thuế tại Ca-dắc-xtan, khi đó Việt Nam có thể gộp thu nhập này vào cơ sở tính thuế nhưng chỉ

để xác định mức thuế suất đối với thu nhập đó như là thu nhập phải chịu thuế tại Việt Nam.

Điều 25

KHÔNG PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ

1. Những đối tượng mang quốc tịch của một Nước ký kết sẽ không phải chịu tại Nước ký kết kia bất kỳ chế độ thuế nào hoặc bất kỳ yêu cầu nào liên quan đến chế độ thuế đó khác với hoặc nặng hơn chế độ thuế và các yêu cầu liên quan hiện đang hoặc có thể áp dụng đối với những đối tượng mang quốc tịch của Nước ký kết kia đặc biệt đối với đối tượng cư trú trong cùng những hoàn cảnh như nhau.

2. Chế độ thuế áp dụng đối với một cơ sở thường trú của một doanh nghiệp của một Nước ký kết có tại Nước ký kết kia sẽ không kém thuận lợi hơn tại Nước ký kết kia so với chế độ thuế áp dụng cho các doanh nghiệp của Nước ký kết kia cùng tiến hành các hoạt động tương tự. Quy định này sẽ không được giải thích là buộc một Nước ký kết phải dành cho đối tượng cư trú của Nước ký kết kia được hưởng bất kỳ suất miễn thu cá nhân, khoản miễn và giảm thuế nào vì lợi ích của thân phận dân sự hoặc trách nhiệm gia đình mà Nước ký kết đó dành cho đối tượng cư trú của Nước mình được hưởng.

3. Các doanh nghiệp của một Nước ký kết có toàn bộ hoặc một phần vốn do một hoặc nhiều đối tượng cư trú của Nước ký kết kia sở hữu hoặc kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp, sẽ không phải chịu tại Nước ký kết thứ nhất bất kỳ chế độ thuế hoặc yêu cầu liên quan đến chế độ thuế đó khác với hoặc nặng hơn chế độ thuế và những yêu cầu liên quan hiện đang hoặc có thể được áp dụng cho các doanh nghiệp tương tự khác của Nước ký kết thứ nhất.

4. Những quy định của Điều này sẽ chỉ áp dụng đối với các loại thuế chịu sự điều chỉnh của Hiệp định này.

5. Mặc dù đã có các quy định của Điều này, trong chừng mực Việt Nam tiếp tục cấp giấy phép cho các nhà đầu tư theo Luật Đầu tư tại Việt Nam, trong đó quy định chi tiết hình thức thuế áp dụng cho nhà đầu tư thì việc áp dụng hình thức thuế đó sẽ không bị coi là vi phạm quy định của các khoản 2 và 3 của Điều này.

Điều 26

THỦ TỤC THỎA THUẬN SONG PHƯƠNG

1. Trường hợp một đối tượng là đối tượng cư trú của một Nước ký kết nhận thấy rằng việc giải quyết của nhà chức trách có thẩm quyền của một hoặc cả hai Nước ký kết làm cho hoặc sẽ làm cho đối tượng đó phải nộp thuế không đúng với các quy định của Hiệp định này, khi đó đối tượng này có thể giải trình trường hợp của mình với nhà chức trách có thẩm quyền của Nước ký kết nơi đối tượng đó đang cư trú, mặc dù trong các luật trong nước của hai Nước ký kết đã quy định các chế độ xử lý khiếu nại. Trường hợp đó phải được giải trình trong thời hạn 3 năm kể từ lần thông báo giải quyết đầu tiên dẫn đến hình thức thuế áp dụng không đúng với các quy định của Hiệp định.

2. Nhà chức trách có thẩm quyền sẽ cố gắng, nếu như việc khiếu nại là hợp lý và nếu bản thân nhà chức trách đó không thể đi đến một giải pháp thỏa đáng, phối hợp với nhà chức trách có thẩm quyền của Nước ký kết kia để cùng giải quyết trường hợp khiếu nại bằng thỏa thuận chung, nhằm mục đích tránh đánh thuế không phù hợp với nội dung của Hiệp định này. Mọi thỏa thuận đạt được sẽ được thực hiện không căn cứ vào những giới hạn thời gian ghi trong nội luật của hai Nước ký kết.

3. Nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ cố gắng giải quyết bằng thỏa thuận chung mọi khó khăn hoặc vướng mắc nảy sinh trong quá trình giải thích hoặc áp dụng Hiệp định này. Nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước cũng có thể trao đổi với nhau nhằm xóa bỏ việc đánh thuế hai lần trong các trường hợp không được quy định tại Hiệp định.

4. Nhà chức trách có thẩm quyền của các Nước ký kết có thể liên hệ trực tiếp với nhau, nhằm đạt được một thỏa thuận theo nội dung của các khoản trên đây. Các nhà chức trách có thẩm quyền sẽ thông qua việc trao đổi để xây dựng các thủ tục, điều kiện, biện pháp và phương thức song phương phù hợp cho việc thực hiện thủ tục thoả thuận song phương được quy định tại Điều này. Ngoài ra, nhà chức trách có thẩm quyền có thể đưa ra các thủ tục, điều kiện, biện pháp và phương thức đơn phương phù hợp nhằm mục đích tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động song phương nói trên và việc tiến hành các thủ tục thỏa thuận song phương này. Khi thấy cần thiết phải đối thoại trao đổi quan điểm để đạt được thỏa thuận thì có thể tổ chức trao đổi ý kiến thông qua một Ủy ban đặc biệt bằng thỏa thận chung của các nhà chức trách có thẩm quyền bao

gồm các đại diện cho các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết.

Điều 27

TRAO ĐỔI THÔNG TIN

1. Nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ trao đổi với nhau các thông tin cần thiết cho việc triển khai thực hiện các quy định của Hiệp định này hoặc của các luật trong nước của hai Nước ký kết liên quan đến các loại thuế mà Hiệp định này áp dụng sao cho việc đánh thuế theo các luật trong nước sẽ không trái với Hiệp định này, đặc biệt là nhằm ngăn chặn việc trốn lậu hoặc gian lận thuế. Việc trao đổi thông tin không bị giới hạn bởi Điều 1 của Hiệp định này. Mọi thông tin do một Nước ký kết nhận được sẽ được giữ bí mật giống như thông tin thu nhận theo các luật trong nước của Nước ký kết này và thông tin đó sẽ chỉ được cung cấp cho các đối tượng hoặc các cơ quan chức năng (bao gồm tòa án và các cơ quan hành chính) có liên quan đến việc tính toán hoặc thu, cưỡng chế hoặc truy tố hoặc xác định các khiếu nại về các loại thuế mà Hiệp định này áp dụng. Các đối tượng hoặc các cơ quan chức năng này sẽ chỉ sử dụng các thông tin đó vào các mục đích nêu trên. Các đối tượng và các cơ quan đó có thể cung cấp các thông tin này trong quá trình tố tụng công khai của tòa án hoặc trong các quyết định của tòa án. Các nhà chức trách có thẩm quyền thông qua việc trao đổi sẽ xây dựng những điều kiện, biện pháp và kỹ thuật thích hợp liên quan đến đến các vấn đề mà việc trao đổi thông tin được thực hiện, kể cả khi cần thiết, trao đổi thông tin liên quan đến việc tránh thuế.

2. Không có trường hợp nào mà những quy định tại khoản 1 được giải thích là buộc nhà chức trách có thẩm quyền của một Nước ký kết có nghĩa vụ:

   a) thực hiện các biện pháp hành chính khác với luật pháp và thông lệ về quản lý hành chính của Nước ký kết đó hoặc của Nước ký kết kia;

   b) cung cấp các thông tin không thể tiết lộ được theo các luật hoặc theo như quá trình quản lý hành chính thông thường của Nước ký kết đó hoặc của Nước ký kết kia;

   c) cung cấp các thông tin có thể làm tiết lộ bí mật về mua bán, kinh doanh, công nghiệp, thương mại hoặc bí mật nghề nghiệp hoặc các

quy trình kinh doanh, hoặc các thông tin mà việc tiết lộ chúng có thể trái với chính sách công cộng.

3. Nếu thông tin do một Nước ký kết yêu cầu phù hợp với Điều này, Nước ký kết kia sẽ sử dụng các biện pháp thu thập thông tin của mình để có được các thông tin theo yêu cầu, mặc dù Nước ký kết kia có thể không cần các thông tin như vậy cho mục đích thuế của mình. Nghĩa vụ được quy định tại câu trên phụ thuộc vào các giới hạn của khoản 2 nhưng trong mọi trường hợp các giới hạn này không có nghĩa là cho phép một Nước ký kết từ chối việc cung cấp thông tin chỉ vì Nước ký kết đó không có lợi ích từ các thông tin như vậy.

4. Trong mọi trường hợp, các quy định của khoản 3 sẽ không cho phép một Nước ký kết từ chối việc cung cấp thông tin chỉ vì thông tin do ngân hàng, tổ chức tài chính, tổ chức được chỉ định hoặc đối tượng với tư cách đại lý hoặc đối tượng được uỷ thác nắm giữ hoặc chỉ vì thông tin có liên quan tới các lợi ích về sở hữu trong một đối tượng.

Điều 28

CÁC THÀNH VIÊN CƠ QUAN ĐẠI DIỆN NGOẠI GIAO VÀ CƠ QUAN ĐẠI DIỆN LÃNH SỰ

Không nội dung nào tại Hiệp định này ảnh hưởng đến các ưu đãi về thuế của thành viên cơ quan đại diện ngoại giao và cơ quan đại diện lãnh sự theo các quy tắc chung của pháp luật quốc tế hoặc các quy định tại các hiệp định quốc tế.

Điều 29

HIỆU LỰC

Các Nước ký kết sẽ thông báo cho nhau bằng văn bản thông qua đường ngoại giao về việc hoàn thành các thủ tục theo yêu cầu luật pháp của từng Nước để Hiệp định này có hiệu lực. Hiệp định này sẽ có hiệu lực sau 30 ngày kể từ ngày các Nước ký kết nhận được thông báo sau cùng để Hiệp định này có hiệu lực.

Các quy định của Hiệp định này sẽ có hiệu lực thi hành:

a) tại Ca-dắc-xtan:

(i) đối với các khoản thuế khấu trừ tại nguồn, cho các khoản được chi trả hoặc được khấu trừ vào ngày hoặc sau ngày 1 tháng 1 của năm dương lịch tiếp theo năm Hiệp định có hiệu lực; và

(ii) đối với các khoản thuế khác, cho các kỳ tính thuế bắt đầu vào ngày hoặc sau ngày 1 tháng 1 của năm dương lịch tiếp theo năm Hiệp định có hiệu lực.

b) tại Việt Nam:

(i) đối với các khoản thuế khấu trừ tại nguồn, liên quan đến khoản thu nhập chịu thuế được chi trả hoặc được khấu trừ vào ngày hoặc sau ngày 1 tháng 1 của năm dương lịch tiếp theo năm Hiệp định có hiệu lực; và

(ii) đối với các khoản thuế khác, liên quan đến thu nhập, lợi nhuận hoặc thu nhập từ chuyển nhượng tài sản phát sinh vào ngày hoặc sau ngày 1 tháng 1 của năm dương lịch tiếp theo năm Hiệp định có hiệu lực.

Điều 30

CHẤM DỨT HIỆU LỰC

Mỗi Nước ký kết có thể kết thúc Hiệp định này bằng việc gửi thông báo kết thúc Hiệp định này thông qua đường ngoại giao, ít nhất sáu tháng trước khi kết thúc bất kỳ năm dương lịch nào sau thời hạn 5 năm kể từ ngày Hiệp định này có hiệu lực. Trong trường hợp như vậy, Hiệp định này sẽ hết hiệu lực thi hành:

a) tại Ca-dắc-xtan:

(i) đối với các khoản thuế khấu trừ tại nguồn, cho các khoản được chi trả hoặc được khấu trừ vào ngày hoặc sau ngày 1 tháng 1 của năm dương lịch tiếp theo năm gửi thông báo kết thúc; và

(ii) đối với các khoản thuế khác, cho các kỳ tính thuế bắt đầu vào ngày hoặc sau ngày 1 tháng 1 của năm dương lịch tiếp theo năm gửi thông báo kết thúc.

b) tại Việt Nam:

(i) đối với các khoản thuế khấu trừ tại nguồn, liên quan đến khoản thu nhập chịu thuế được chi trả hoặc được khấu trừ vào ngày hoặc sau ngày 1 tháng 1 của năm dương lịch tiếp theo năm gửi thông báo kết thúc; và

(ii) đối với các khoản thuế khác, liên quan đến thu nhập, lợi nhuận hoặc thu nhập từ chuyển nhượng tài sản phát sinh vào ngày hoặc sau ngày 1 tháng 1 của năm dương lịch tiếp theo năm gửi thông báo kết thúc, và trong các năm dương lịch tiếp theo.

ĐỂ LÀM BẰNG, những người có tên dưới đây, được sự ủy quyền hợp thức, đã ký vào Hiệp định này.

LÀM tại Hà Nội, ngày 31 tháng 10 năm 2011 thành hai bản bằng tiếng Việt, tiếng Ca-dắc, tiếng Nga, tiếng Anh, tất cả các bản đều có giá trị như nhau. Trường hợp có sự giải thích khác nhau, văn bản tiếng Anh sẽ có giá trị quyết định.

THAY MẶT CHÍNH PHỦ
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Đỗ Hoàng Anh Tuấn
Thứ trưởng
Bộ Tài chính

THAY MẶT CHÍNH PHỦ
NƯỚC CỘNG HOÀ CA-DẮC-XTAN

Ê-gian khô-dê-ê-vich
Ca-dư-Kha-nốp
Bộ trưởng
Bộ Ngoại giao